

Số:184/2025/QĐST-LĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Thu Thảo

Thư ký phiên họp: Ông Thái Vương Triều – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 278/2025/TLST-LĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 74/2025/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Lê Trần Việt P, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: ấp C, xã T, Thành phố Cần Thơ, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Trần Việt T, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: ấp C, xã T, Thành phố Cần Thơ, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH J., LTD; địa chỉ: khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L1; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Lê Trần Việt P trình bày:* Khoảng tháng 8 năm 2025, ông Lê Trần Việt P đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của ông P bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào khoảng tháng 9 năm 2013 ông Lê Trần Việt P có cho em ruột là ông Lê Trần Việt T mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J., LTD, quá trình làm việc ông Lê Trần Việt T được Công ty TNHH J., LTD tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm là 7413019395. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho ông Lê Trần Việt T mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J., LTD là

không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho ông Lê Trần Việt T có công việc làm để trang trải cuộc sống. Vì vậy, ông P yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Trần Việt P và Công ty TNHH J., LTD là vô hiệu. Ông Lê Trần Việt P không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trần Việt T trình bày:* Ông T và ông P có mối quan hệ là anh em ruột. Khoảng tháng 9 năm 2013, ông chưa đủ tuổi lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của ông P để xin vào làm việc tại Công ty TNHH J., L và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7413019395. Nay ông Lê Trần Việt T thống nhất toàn bộ yêu cầu của ông P và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Trần Việt P với Công ty TNHH J., LTD là vô hiệu. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty TNHH J., LTD thì ông đã nhận trợ cấp 01 lần theo quyết định số 041606707 ngày 24/06/2016 và hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quyết định số 35755 ngày 11/8/2015, ông cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông P, ông Lê Trần Việt T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH J., LTD trình bày:* Công ty TNHH J., L đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 178; Điều 366; Điều 367; Điều 369 và Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Công ty TNHH J., LTD đều vắng mặt không rõ lý do

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 (viết tắt là BHXH) trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH J., LTD cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Lê Trần Việt P, sinh năm 1993, số CCCD 091093002825, với mã số BHXH 7413019395 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 tại Công ty TNHH J., LTD, hiện công ty đã chốt sổ và đã nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, qua tra cứu dữ liệu, BHXH cơ sở Lái Thiêu còn phát hiện vào khoảng thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 03/2024 ông P tham gia BHXH với mã số 8015061274 tại Công ty TNHH H. EU, Công ty TNHH S và Công ty CP T1. Thời gian tham gia từ tháng 01/2015 đến tháng 03/2024 được BHXH thành phố T (BHXH tỉnh B cũ) xác nhận chốt sổ cấp tờ rời sổ BHXH ngày 01/4/2024; thời gian từ 01/2015 đến tháng 03/2024 đã hưởng trợ cấp thất nghiệp theo QĐ số 25537 ngày 13/5/2024; thời gian tham gia từ tháng 01/2015 đến tháng 03/2024 có nhận các loại ốm đau. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông Lê Trần Việt P và Công ty TNHH J., LTD, đề nghị Tòa án Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty TNHH J., LTD có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không; về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Lê Trần Việt P, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của ông Lê Trần Việt P không có ý kiến.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định

của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Lê Trần Việt P là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu ông Lê Trần Việt P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trần Việt T và Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH J., LTD vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015, người lao động tên Lê Trần Việt P giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J., LTD và được Công ty TNHH J., LTD tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7413019395. Tuy nhiên, ông P và ông Lê Trần Việt T đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH J., LTD và thực tế làm việc tại công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 là ông Lê Trần Việt T (do ông P cho ông Lê Trần Việt T mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của ông Lê Trần Việt P, ông Lê Trần Việt T phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015, ông P đang làm việc tại công ty khác. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J., LTD trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 là ông Lê Trần Việt T, không phải là ông Lê Trần Việt P.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXX ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L2 thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định*

tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”. Do đó, có cơ sở xác định việc ông Lê Trần Việt T mượn hồ sơ cá nhân của ông P để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7413019395 từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 tại Công ty TNHH J., LTD là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Lê Trần Việt P về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Trần Việt P với Công ty TNHH J., LTD theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413019395 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của ông P và ý kiến của ông về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH J., LTD trong giai đoạn từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 là ông Lê Trần Việt T, không phải là ông Lê Trần Việt P. Ông P và ông Lê Trần Việt T có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413019395.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Lê Trần Việt P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Lê Trần Việt P.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Trần Việt P với Công ty TNHH J., L (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413019395) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413019395 không phải

là ông Lê Trần Việt P, sinh năm 1993, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 091093002825. Ông Lê Trần Việt P và ông Lê Trần Việt T được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413019395.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Lê Trần Việt P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0011131 ngày 25/8/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Võ Thị Thu Thảo